

BỘ CÂU HỎI VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI VỀ TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

CÂU 1: Ông nội của anh A là anh ruột của bà ngoại chị B. Anh A và chị B yêu nhau, mong muốn đi đến kết hôn. Theo anh, chị thì trường hợp của anh A và chị B có phải là một trong các trường hợp bị cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hay không?

Trả lời:

Trường hợp của anh A và chị B không bị cấm kết hôn. Điểm d khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cấm kết hôn giữa những người có họ trong phạm vi ba đời. Khoản 18 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình giải thích: “Những người có họ trong phạm vi ba đời là những người cùng một gốc sinh ra gồm cha mẹ là đời thứ nhất; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba”. Như vậy, trường hợp anh A và chị B là đời thứ tư nên không bị cấm kết hôn.

Câu 2. Hoàng Thị A 16 tuổi được gia đình B đến hỏi làm vợ. Khi A và B ra UBND xã đăng ký kết hôn, Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã đã giải thích pháp luật cho A và B; A và B về kể lại với bố mẹ nhưng cả hai gia đình không nghe. Biết việc hai gia đình dự kiến tổ chức đám cưới cho A và B là trái với quy định của pháp luật, tổ hoà giải đã đến gia đình ông Q, bà N (bố, mẹ của A và B) để khuyên giải, tuyên truyền, vận động gia đình chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hai gia đình vẫn quyết định tiến hành tổ chức hôn lễ và cho A, B về chung sống với nhau. Hành vi của A, B và bố mẹ A và B sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn. Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định độ tuổi kết hôn đối với nam là từ đủ 20 tuổi và đối với nữ là từ đủ 18 tuổi trở lên. Như vậy, tảo hôn là việc nam lấy vợ khi chưa đủ 20 tuổi, hoặc nữ lấy chồng khi chưa đủ 18 tuổi hoặc cả nam và nữ đều chưa đủ tuổi kết hôn.

Tổ chức tảo hôn là việc tổ chức kết hôn cho những người chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hành vi tảo hôn của A, B và tổ chức tảo hôn của ông bà Q, ông bà N có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 109/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phục hồi, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã:

“Điều 58. Hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đủ tuổi kết hôn mặc dù đã có bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án”.

Nếu sau khi bị xử phạt hành chính mà ông bà Q, N vẫn cố tình tiếp tục tổ chức hôn lễ cho A và B thì hành vi tổ chức tảo hôn còn có thể bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 183 Bộ luật Hình sự năm 2015:

“Điều 183. Tội tổ chức tảo hôn

Người nào tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm”.

Câu 3. Gia đình anh H sinh bé Bi từ năm 2021, đến nay vợ chồng anh H vẫn chưa đi đăng ký khai sinh cho bé Bi. Anh H cho rằng “Đợi đến lúc bé Bi đi học tiểu học thì đăng ký cũng được. Vội gì!”. Việc làm của anh H đúng hay sai? Tại sao?

Trả lời: Việc làm của anh B là sai. Vì:

Theo Điều 13 Luật Trẻ em năm 2016 quy định “Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật”.

Tại Điều 15. Luật Hộ tịch 2014 quy định “trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em”. Do vậy, anh H cần tiến hành khai sinh ngay cho bé Bi.

Câu 4. Tảo hôn là hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình và bị nghiêm cấm nhưng tại sao chỉ có hành vi “cưỡng ép tảo hôn” mới là hành vi bạo lực gia đình?

Trả lời: Tảo hôn là hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân gia đình, bị nghiêm cấm. Người tổ chức tảo hôn (*tổ chức lễ cưới hỏi cho những người chưa đến tuổi kết hôn*); người cố ý duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đến tuổi kết hôn mặc dù đã có quyết định của Tòa án buộc chấm dứt quan hệ đó sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự. Tuy nhiên, không phải mọi hành vi liên quan đến tảo hôn đều là hành vi bạo lực gia đình. Hành vi bạo lực gia đình là hành vi phải có yếu tố cưỡng bức, ép buộc trái với ý muốn của nạn

nhân, các hành vi được thực hiện với sự đồng thuận của nạn nhân có thể là hành vi vi phạm pháp luật nhưng sẽ không bị coi là bạo lực gia đình và hành vi đó sẽ bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật có liên quan. Chính vì vậy, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình chỉ quy định hành vi “cưỡng ép tảo hôn” là hành vi bạo lực gia đình.

Câu số 5: Anh A đi làm và tiết kiệm được 400 triệu đồng. Số tiền này Anh đem hùn vốn kinh doanh với một người bạn và hiện trung bình mỗi tháng lợi nhuận thu được khoảng 10 triệu đồng. Năm tới, Anh A dự định kết hôn.

Sau khi kết hôn, Anh A muốn giữ số vốn kinh doanh trên là tài sản riêng của mình có được không? Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của vợ chồng được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định tại các điều 38, 39 và 40 của Luật hôn nhân và gia đình; tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác mà theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng cũng là tài sản riêng của vợ, chồng. Hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 và khoản 1 Điều 40 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào quy định nêu trên, số tiền 400 triệu đồng là tài sản của Anh A tích lũy được trước khi kết hôn, vì vậy đó là tài sản riêng của Anh A.

Theo Điều 44 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của vợ, chồng được quy định như sau:

“Vợ, chồng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình; nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào tài sản chung.

Trong trường hợp vợ hoặc chồng không thể tự mình quản lý tài sản riêng và cũng không ủy quyền cho người khác quản lý thì bên kia có quyền quản lý tài sản đó. Việc quản lý tài sản phải bảo đảm lợi ích của người có tài sản.

Nghĩa vụ riêng về tài sản của mỗi người được thanh toán từ tài sản riêng của người đó.

Trong trường hợp vợ, chồng có tài sản riêng mà hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng đó là nguồn sống duy nhất của gia đình thì việc định đoạt tài sản này phải có sự đồng ý của chồng, vợ”.

Như vậy, đối với số tiền 400 triệu đồng là tài sản riêng của Anh A có được trước khi kết hôn, Anh A có thể nhập hoặc không nhập vào không nhập vào tài sản chung là do Anh A tự quyết định.